TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 647/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20/12/2024
V/v "Không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp xác định cha cho con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Phúc Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Bà Vũ Thị Hiệp

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Nguyên – Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 532/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp xác định cha cho con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 292/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Bá Thế T, sinh năm 1988

Địa chỉ thường trú: 1265 đường Hồ Chí Minh, ấp 4, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Tăng Mỹ L, sinh năm 1990

Địa chỉ thường trú: 19/6 đường Trần Trung Lập, Phường X, Quận Y, TP. Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Bá Thế T trình bày:*

Ông và bà Tăng Mỹ L quen biết nhau từ tháng 11/2020, đến tháng 12/2020 tự nguyện chung sống với nhau tại Quận Y, TP.HCM, không có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống vui vẻ, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và vì

công việc của hai bên không ổn định, thu nhập không đủ trang trải cuộc sống dẫn đến thường xuyên gây cãi nhau. Đến cuối năm 2021, sau khi sinh con chung thì mâu thuẫn hai bên trở nên căng thẳng không thể giải quyết được, do đó ông T đã dọn về quê ở tỉnh Đồng Tháp sinh sống cùng cha mẹ đẻ. Đến tháng 5/2023 ông T đã đón con chung về sống cùng với gia đình ông T tại Đồng Tháp cho đến nay. Hiện nay ông T xác định không còn quan hệ tình cảm với bà L và yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Tăng Mỹ L.

Về con chung: Ông và bà L có với nhau 01 con chung tên Tăng Ngọc Minh T1, sinh ngày 11/9/2021 theo Giấy khai sinh số 61 do Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y cấp ngày 18/10/2021, trên giấy khai sinh chỉ có ghi họ tên người mẹ là Tăng Mỹ L, khuyết phần họ tên người cha do ông và bà L không có đăng ký kết hôn. Theo Phiếu kết quả phân tích DNA do Trung tâm xét nghiệm huyết thống DNA Khai Sinh ngày 17/8/2024 kết luận: Mẫu ADN ký hiệu PHẠM BÁ THẾ T và mẫu ADN ký hiệu TĂNG NGỌC MINH T1 có quan hệ huyết thống Cha – Con, tần suất 99,999999996903%. Hiện nay trẻ T1 đang sống cùng với ông T và gia đình bên nội, đang đi học mầm non và được sự quan tâm, chăm sóc chu đáo của ông T. Nay ông T yêu cầu Tòa án xác định trẻ Tăng Ngọc Minh T1 là con chung của ông T và bà Tăng Mỹ L. Ông T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Tăng Ngọc Minh T cho đến khi trưởng thành. Ông và bà L tự thỏa thuận về cấp cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Tăng Mỹ L trình bày:*

Bà xác nhận phần trình bày ông T về thời gian chung sống, chia tay và nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai bên là đúng sự thật. Do thời gian bà và ông T tìm hiểu nhau khá ngắn trước khi về chung sống, hai bên có nhiều khác biệt về tính cách nên thường xuyên gây cãi nhau. Từ khi mâu thuẫn hai bên trở nên trầm trọng, ông T đã dọn về nhà cha mẹ đẻ ở Đồng Tháp sinh sống thì hai bên không còn quan hệ tình cảm với nhau. Nay bà đồng ý trước yêu cầu của ông T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông bà.

Về con chung: Bà L xác nhận có với ông T 01 con chung tên Tăng Ngọc Minh T1, sinh ngày 11/9/2021 theo Giấy khai sinh số 61 do Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y cấp ngày 18/10/2021, trên giấy khai sinh chỉ có ghi họ tên người mẹ là Tăng Mỹ L, khuyết phần họ tên người cha do hai bên không có đăng ký kết hôn. Hiện nay trẻ T1 đang sinh sống cùng ông T và gia đình bên nội ở Đồng Tháp. Nay bà thống nhất với kết luận tại Phiếu kết quả phân tích DNA do Trung tâm xét nghiệm huyết thống DNA Khai Sinh ngày 17/8/2024 là giữa ông Phạm Bá Thế T và trẻ Tăng Ngọc Minh T1 có quan hệ huyết thống cha - con. Trước yêu cầu của ông T yêu cầu Tòa án xác định trẻ Tăng Ngọc Minh T1 là con chung của bà và ông T thì bà đồng ý. Hiện nay con chung đang sinh sống ổn định cùng với ông T nên bà tiếp tục giao con chung Tăng Ngọc Minh T1 cho ông Phạm Bá Thế T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Bà và ông T tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn ông Phạm Bá Thế T và bị đơn bà Tăng Mỹ L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 03/CV-VKS-HNGĐ ngày 09/12/2024 về việc không tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hình thức, nội dung đơn khởi kiện của ông Phạm Bá Thế T thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Bá Thế T đối với bị đơn bà Tăng Mỹ L có nơi cư trú tại Quận Y nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Nguyên đơn ông Phạm Bá Thế T và bị đơn bà Tăng Mỹ L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng:

Ông Phạm Bá Thế T và bà Tăng Mỹ L có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2020 mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận ông Phạm Bá Thế T và bà Tăng Mỹ L là vợ chồng.

[5] Về con chung: Ông Phạm Bá Thế T và bà Tăng Mỹ L xác định có với nhau 01 con chung tên Tăng Ngọc Minh T1, sinh ngày 11/9/2021 theo Giấy khai sinh số 61 do Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y cấp ngày 18/10/2021, đồng thời căn cứ Phiếu kết quả phân tích DNA do Trung tâm xét nghiệm huyết thống DNA Khai Sinh ngày 17/8/2024 xác định giữa ông Phạm Bá Thế T và trẻ Tăng Ngọc Minh T1 có quan hệ huyết thống cha - con, do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định trẻ Tăng Ngọc Minh T1 là con chung của ông Phạm Bá Thế T và bà Tăng Mỹ L. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông T và bà L về việc giao con chung tên Tăng Ngọc Minh T1 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và hai bên tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Bá Thế T và bà Tăng Mỹ L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Bá Thế T và bà Tăng Mỹ L được quyền quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Về án phí ly hôn: Ông Phạm Bá Thế T chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí xác định cha cho con chưa thành niên: Ông Phạm Bá Thế T và bà Tăng Mỹ L thuộc trường hợp miễn án phí, có đơn miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông T và bà L không phải chịu án phí xác định cha cho con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 189, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Bá Thế T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Phạm Bá Thế T và bà Tăng Mỹ L là vợ chồng.

2. Về con chung: Xác định trẻ Tăng Ngọc Minh T1, sinh ngày 11/9/2021 theo Giấy khai sinh số 61 do Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y cấp ngày 18/10/2021 là con chung của ông Phạm Bá Thế T và bà Tăng Mỹ L.

Giao con chung Tăng Ngọc Minh T1 cho ông Phạm Bá Thế T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Ông Phạm Bá Thế T và bà Tăng Mỹ L tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Tăng Mỹ L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với ông Phạm Bá Thế T.

Bà Tăng Mỹ L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp bà Tăng Mỹ L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Phạm Bá Thế T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Tăng Mỹ L.

Vì lợi ích về mọi mặt của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Bá Thế T và bà Tăng Mỹ L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Bá Thế T chịu án phí ly hôn 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Ông Phạm Bá Thế T và bà Tăng Mỹ L được miễn án phí tranh chấp xác định cha cho con.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương. Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 6;
- CCTHADS Quận 6;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Phúc Trường